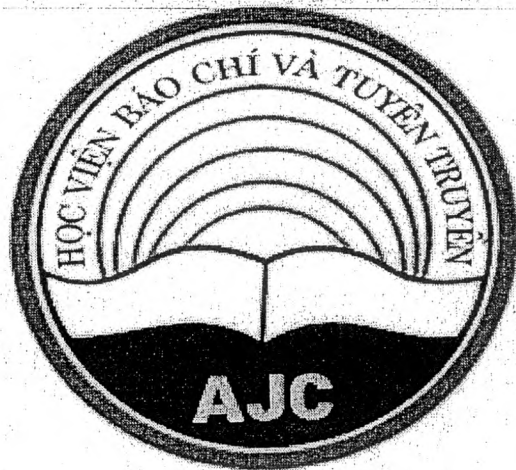


(4)

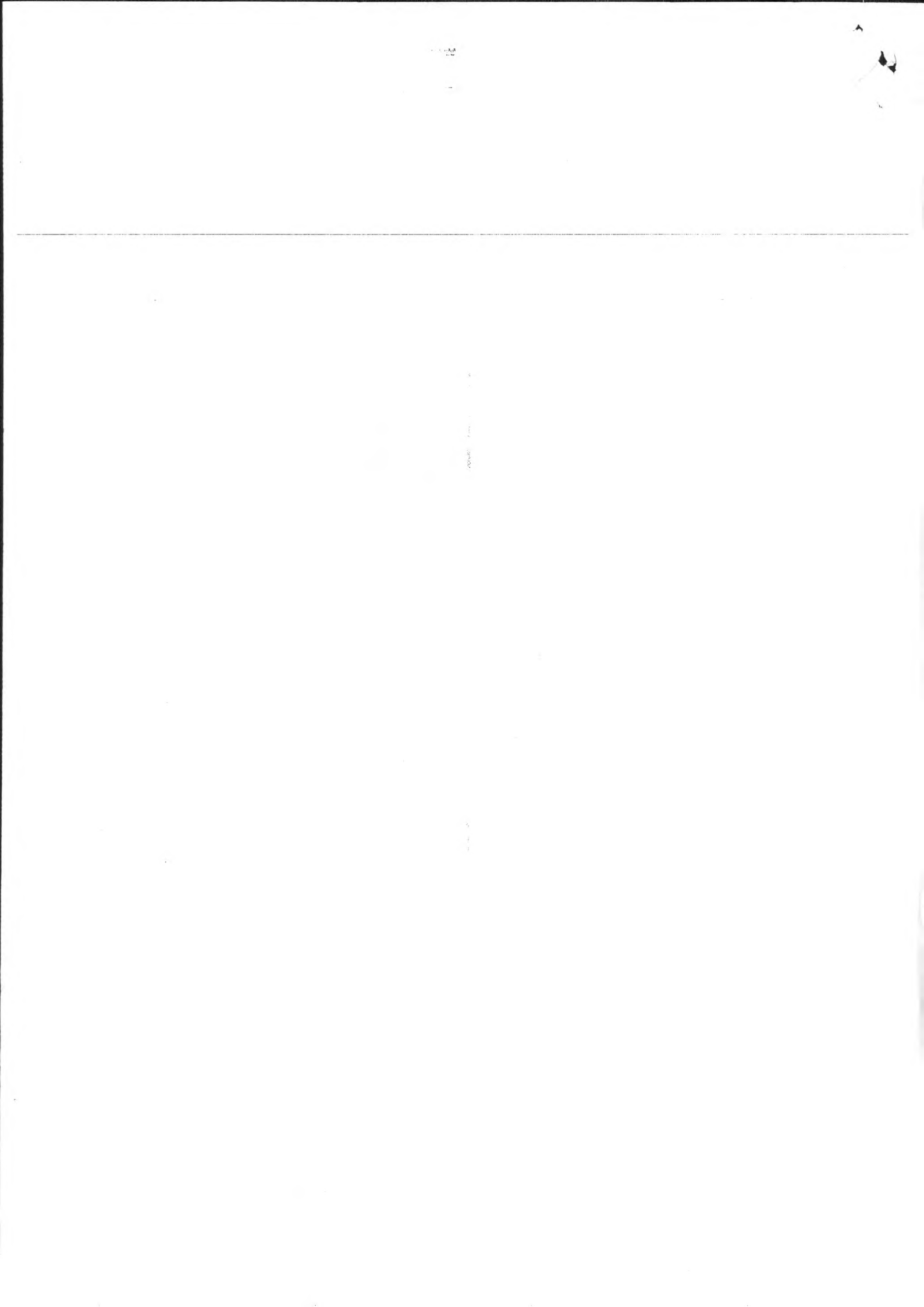
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

GIẢNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ
MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂM 2018

Hà Nội, 2019



Hà Nội, ngày tháng 02 năm 201

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂM 2018

I. GIỚI THIỆU

1.1. Mục tiêu

Khảo sát giảng viên về chương trình đào tạo và môi trường làm việc là một trong những kênh quan trọng giúp nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo, là một trong những quy định bắt buộc trong. Kết quả khảo sát được phản hồi tới các bên liên quan, làm cơ sở để Học viện có các biện pháp, chủ trương, chính sách cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

1.2. Phạm vi, đối tượng khảo sát

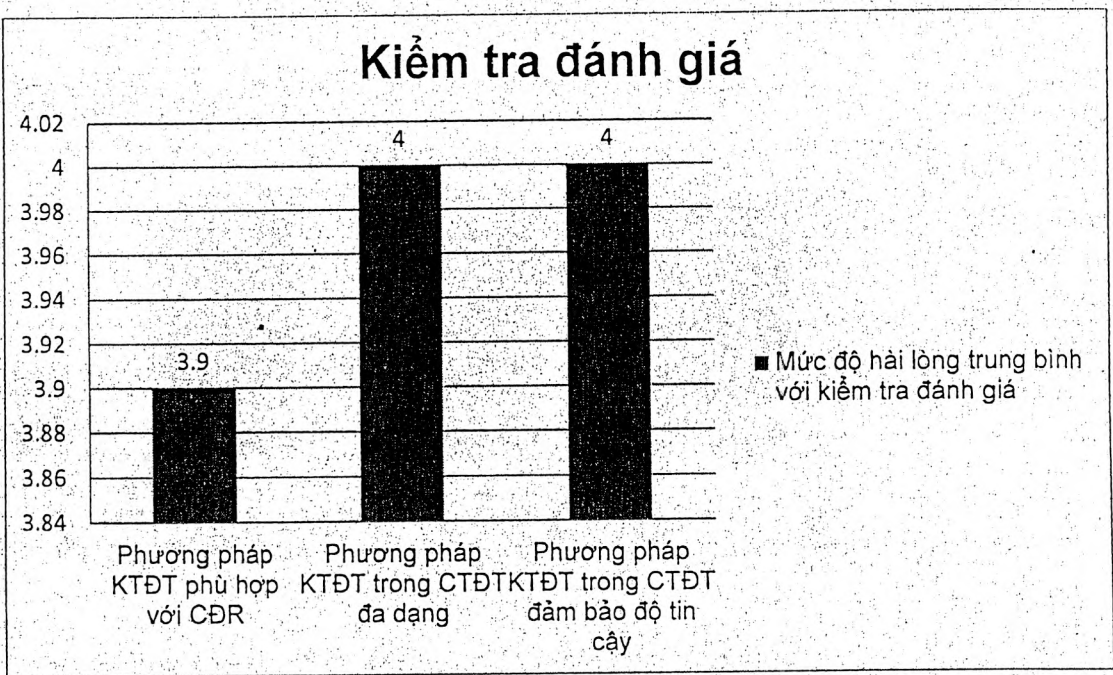
Đối tượng là toàn bộ giảng viên cơ hữu của các khoa đào tạo đang tham gia giảng dạy CTĐT các ngành tại Học viện Báo chí và tuyên truyền trong năm học 2018-2019. Tổng số có 18 CTĐT ngành và 202 lượt GV được khảo sát.

1.3. Nội dung và phương pháp khảo sát

Phiếu khảo sát giảng viên về Chương trình đào tạo và môi trường làm việc được thiết kế khoa học dựa trên thang đánh giá 5 cấp độ Likert Scale. Các phiếu khảo sát được thiết kế theo nguyên tắc khuyết danh, đảm bảo tính khách quan, chính xác.

Phiếu khảo sát được thiết kế gồm các câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở về các nội dung Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT, bản mô tả CTĐT, Chiến lược và phương pháp dạy học, Hoạt động kiểm tra đánh giá, Chế độ chính sách đối với GV, cơ sở vật chất và môi trường làm việc.

Mức độ hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập nhìn chung thấp hơn so với mức độ hài lòng với các tiêu chí khác với mức hài lòng trung bình 3.95/5. Tiêu chí về phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt CĐR có mức hài lòng trung bình thấp hơn các tiêu chí khác, ở mức 3.9/5. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng và đảm bảo độ tin cậy cao hơn một chút, ở mức 4/5. 80% GV của Học viện cơ bản hài lòng với phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, trong đó tỉ lệ hoàn toàn hài lòng chỉ chiếm khoảng 20%.



GV ở 33% CTĐT các ngành đánh giá trung bình ở mức 3-3.9 (Phân vân) với các tiêu chí Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp nhằm đạt CĐR. Các CTĐT này bao gồm các ngành CTH, CNXH, QHCC, QC, Triết và XB.

Giảng viên ở một số ngành kiến nghị cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập để phát huy năng lực của người học hơn là chỉ đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức.

... cần hoàn thiện chương trình đào tạo và phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá sinh viên.

GV ngành CTH

Cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, loại trừ dần phương pháp kiểm tra, đánh giá buộc sinh viên phải học thuộc lòng GV ngành CTH

cần thay đổi ngay cách thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với hình thức đào tạo tin chỉ và phát huy năng lực tự học của sinh viên.

GV ngành CNXH

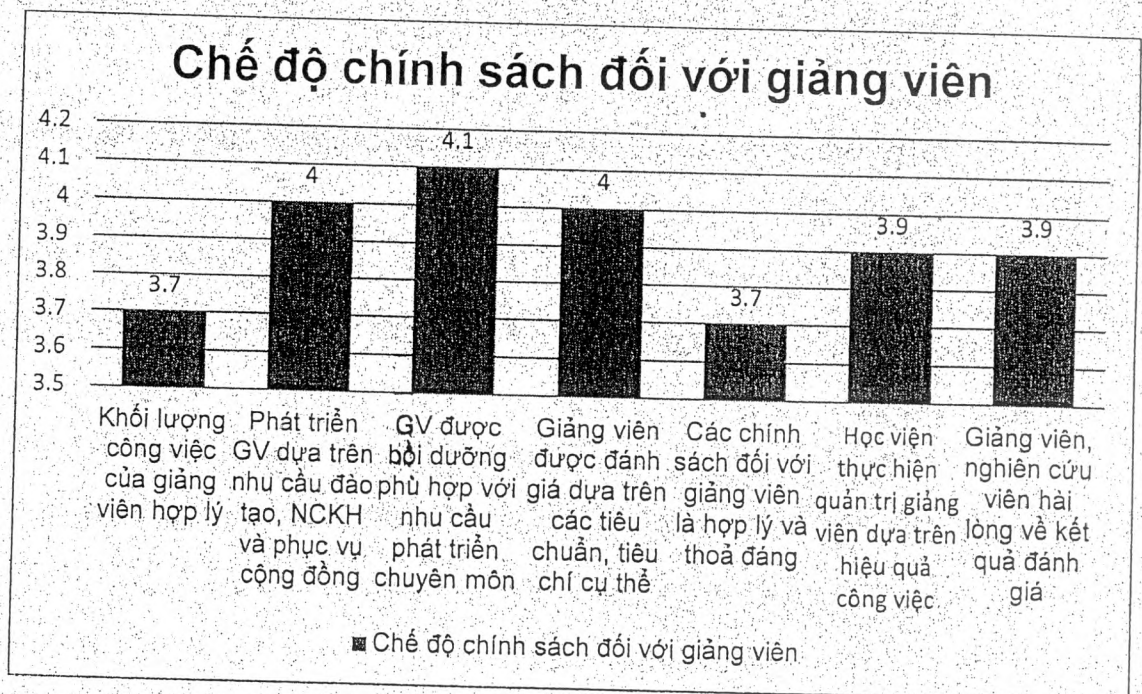
Về phương thức đánh giá, cho phép giảng viên môn học đề xuất phương thức đánh giá phù hợp, nâng cao khả năng nghiên cứu, tác nghiệp của người học.

GV ngành XB

Về tổng thể, trên 79% GV các CTĐT về cơ bản hài lòng với hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

2.6. Chế độ chính sách đối với giảng viên

Trong các tiêu chí về đội ngũ cán bộ giảng viên thì GV hài lòng hơn với việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ (4.05/5). Các tiêu chí về khối lượng công việc của giảng viên và các chính sách đối với giảng viên có mức hài lòng thấp nhất: 3.7/5.



Mức độ hài lòng với chế độ chính sách đối với GV được đánh giá thấp hơn các tiêu chí khác. GV ở 44% CTĐT theo ngành đánh giá tiêu chí Khối lượng công việc của GV trung bình ở mức 3-3.9, tức là còn phân vân, chưa hài lòng về cơ bản. Các CTĐT này bao gồm CTĐT ngành BC, KTCT, NNA, QHCC, QLNN, QC, Triết. Tương tự, quy trình, phương pháp và kết quả đánh giá GV có mức hài lòng trong phổ dải 3 ở 44% CTĐT các ngành BC, CNXH, NNA, QHCC, QC, QLNN, Triết, XB.

Về tổng thể, trên 67% GV của các CTĐT về cơ bản hài lòng với chế độ chính sách đối với GV.

* Giảng viên kiến nghị:

- Giảm thiểu các công việc hành chính để GV có thể tập trung vào chuyên môn như công tác làm truyền thông, họp hành, báo cáo, khảo thí, khảo sát và cần có bộ phận chuyên trách.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần trả thù lao tăng thêm.
- Tăng kinh phí dành cho đề tài khoa học, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV.

Nhà trường cần có chế độ đặc biệt cho các cán bộ GV phụ trách các phòng thực hành của ngành báo chí, để máy móc thiết bị được bảo quản và sử dụng tốt hơn.

Cần quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giảng viên, đặc biệt chế độ đãi ngộ; cố gắng giảm thiểu những công việc hành chính, giấy tờ để giảng viên có thời gian tập trung vào công việc giảng dạy; rất nhiều việc giảng viên phải làm nhưng không được tính vào đâu cả; nhà trường nên có một bộ phận riêng làm công tác truyền thông để giảm thiểu công việc cho giảng viên; nhà trường nên có bộ phận riêng làm công tác khảo thí, điều tra việc làm của sinh viên chứ không thể bắt

giảng viên phải trực tiếp làm công việc này.

Tránh hình thức trong thi đua khen thưởng mất nhiều thời gian và thủ tục giấy tờ lãng phí.

Giảm bớt những việc tốn nhiều thời gian, công sức để GV tập trung nâng cao chuyên môn: VD một số thủ tục hành chính còn rườm rà, họp hành báo cáo liên tục, quy trình / quy định / chương trình thay đổi nhiều...

Tạo cơ chế để GV có nhiều hình thức thực hành, thực tế đa dạng, hiệu quả cho SV

Đề nghị Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên có thêm thời gian nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy.

GV ngành Báo chí

Thêm nhiều lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho giảng viên trẻ
GV. CTH

Cần tăng chế độ trả thù lao giờ giảng cho giảng viên để bù trượt giá so với thị trường, bởi theo mỗi năm và năm này so với năm sau giá cả đã khác xa rất nhiều, trong khi đó thì chế độ chi trả hàng năm không điều chỉnh, thay đổi.

GV ngành CTH

Đãi ngộ giảng viên tốt hơn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Đề xuất tăng cường kinh phí hỗ trợ cho giảng viên nghiên cứu khoa học

GV ngành CNXH

Cần tăng cường kinh phí phục vụ công tác nghiên cứu khoa học (Nhất là biên tập giáo trình các môn học)

GV ngành CTH

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tăng cường các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Nâng cao thu nhập cho cán bộ, giảng viên.

GV ngành LS

Môn tiếng Anh cực kỳ nhiều đặc thù. Nhưng không hề có hỗ trợ đào tạo thường niên được thông báo rộng rãi tới anh em = Không tạo điều kiện, Không có tổ chức lớp cho anh em giảng viên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Mật độ giảng dạy quá dày. Làm cả tối và cuối tuần nhưng thanh toán chậm và không khác gì như ngày thường. Hầu như nhà trường không quan tâm đến cảm xúc, suy nghĩ của giảng viên mà chỉ ốp chương trình và giảng viên phải dạy như thợ dạy. Chúng tôi không có thứ Bảy Chủ Nhật, tối chúng tôi phải giảng buổi tối nhiều ngày trong tháng. Nhiều ngày phải giảng ba ca. Chúng tôi cũng phải đối mặt áp lực đến từ sinh viên khi họ phải học hai ca liền một lúc, trong đó có cả ca tối. Cực kỳ khó khăn để chúng tôi làm tốt công việc. Chúng tôi cũng không có thời gian làm nghiên cứu và tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề. Về lâu dài, nhà trường có ý thức được tầm quan trọng của những điều trên hay không đối với giảng viên nếu nhà trường thực sự quan tâm đến chất lượng giảng dạy?

GV ngành NNA

Thời gian làm việc của giảng viên cũng cần được bố trí hợp lý. Sắp xếp lịch học các lớp ĐH chính quy vào các ngày trong tuần để giảm tải thời gian làm việc ngoài giờ (cuối tuần, buổi tối) cho giáo viên.

Tăng cường các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho giảng viên, nhất là các khóa học tiếng Anh.

GV ngành QHCC

Nâng cao năng lực giảng viên và chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất

GV ngành QHCC

...Giảng viên không nên phải đảm nhiệm quá nhiều môn chuyên ngành mà nên chuyên môn hoá không quá 3 môn chuyên ngành. Giảng viên được cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học ở những đề tài nghiên cứu cấp trọng điểm, cấp bộ

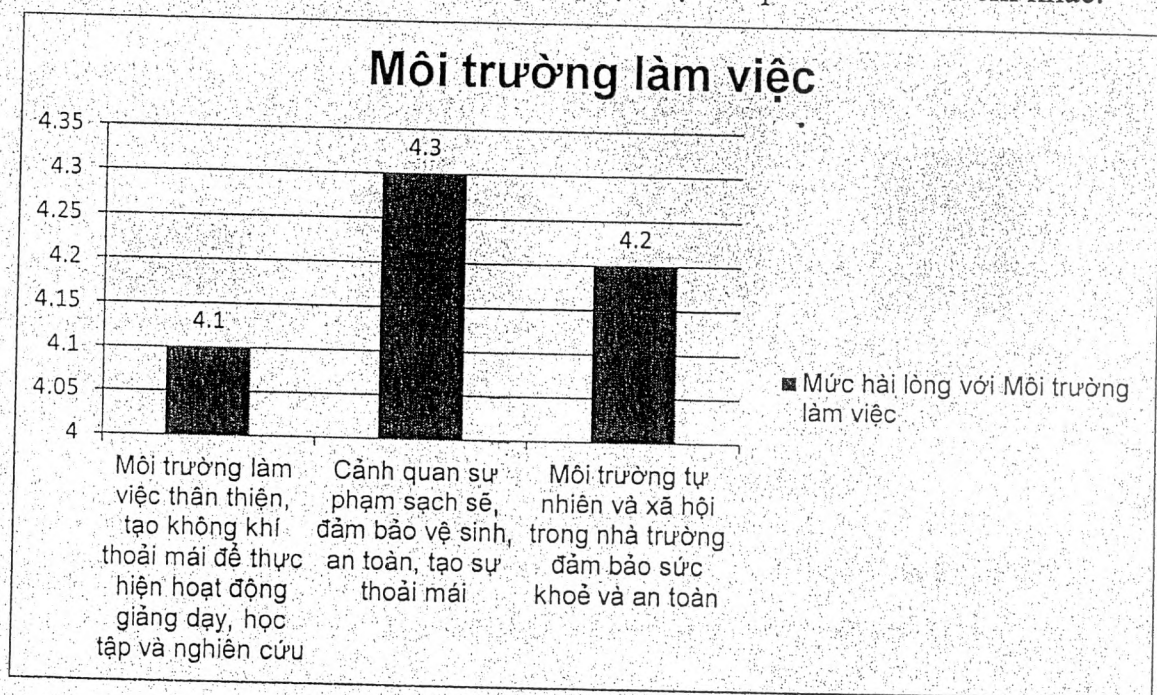
GV ngành XHH

2.7. Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH

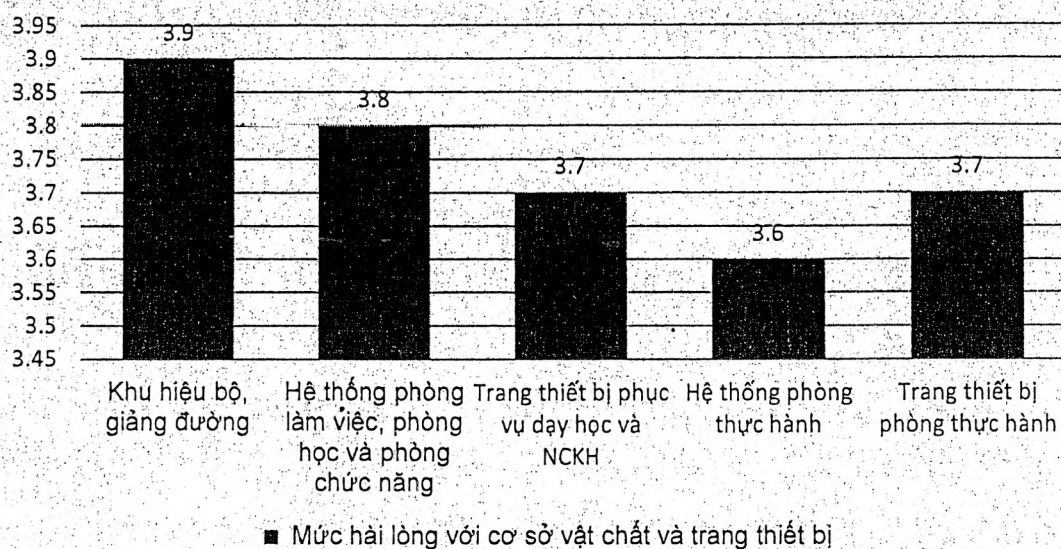
Mức độ hài lòng với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo trung bình thấp hơn các tiêu chí khác. Trong khi GV ở 100% CTĐT các ngành về cơ bản đánh giá tiêu chí cảnh quan sư phạm và môi trường tự nhiên trong Học viện ở mức 4-4.9; GV ở 39% CTĐT ngành cơ bản hài lòng với thư viện, nguồn học liệu trên thư viện và trang thiết bị CNTT. Các CTĐT ngành BC, CTH, CNXH, CTXH, NNA, QHCC, QC, XHH, XDD, XB. Có những CTĐT tỷ lệ GV hài lòng với các tiêu chí này chỉ 16% (QC), 22% (NNA).

Với tiêu chí về hệ thống phòng làm việc và phòng thực hành thì GV ở 1/2 số ngành có mức hài lòng trong dải 4-4.9 (cơ bản hài lòng). GV ở CTĐT ngành BC, CTH, CNXH, CTXH, NNA, QHCC, QC, Triết, XHH và XB về cơ bản còn phân vân với tiêu chí về phòng làm việc và phòng thực hành.

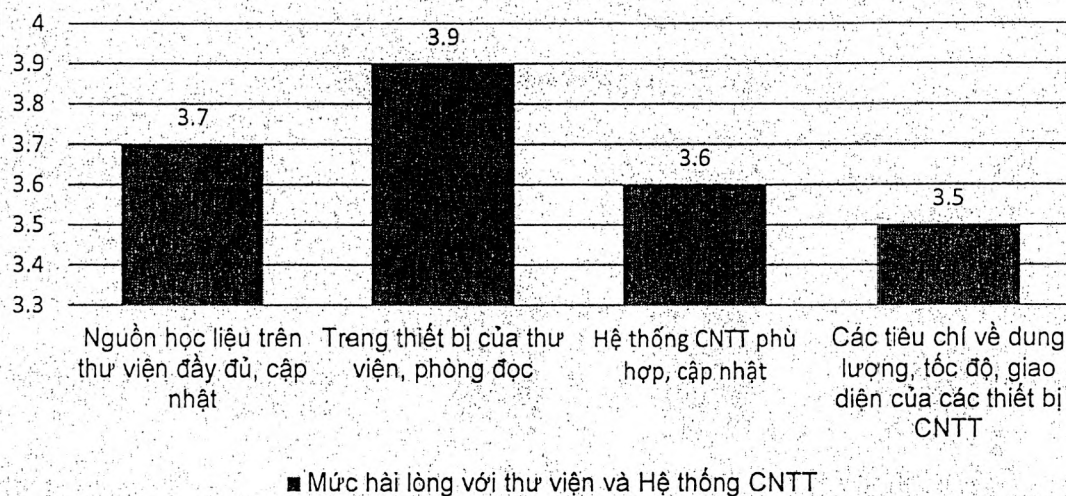
Về tổng thể, trên 55% GV của các CTĐT về cơ bản hài lòng với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo, trong đó mức độ hài lòng với tiêu chí về CNTT, phòng học, phòng thực hành và nguồn học liệu thấp hơn các tiêu chí khác.



Cơ sở vật chất và trang thiết bị



Mức hài lòng với thư viện và Hệ thống CNTT



**Kiến nghị của GV:*

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp trầm trọng như *loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu* ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.

- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

*Nên có phòng học riêng cho chuyên ngành Truyền hình và Quay phim
GV ngành Báo chí*

Nghiên cứu tích hợp một số hoạt động, báo cáo, tính hiệu suất công việc... theo số hóa, tự động hóa cho nhanh gọn, không tốn kém thời gian và văn phòng phẩm của nhà trường

- Học viện nên nâng cao chất lượng phòng học, các thiết bị như máy chiếu, mic không dây. Hiện nay tình trạng mic dây và loa ở các phòng đã xuống cấp trầm trọng, mic thì rè, có lúc lại hú âm,... điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới việc dạy. Nên bố trí hệ thống mic không dây tại các phòng (có hộp khóa), sinh viên hàng buổi chỉ việc đưa thẻ sinh viên để cắm chìa khóa về mở, như vậy tranh được quá trình vận chuyển có khi rơi móp, méo, hỏng.
- Các phòng sử dụng cho đào tạo lớp tín chỉ với số lượng động từ 70-80 sinh viên cần đảm bảo về diện tích, công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường (sau cao hơn trước) có vậy giảng viên mới có thể quan sát được sv ở cuối lớp.
- Hệ thống Wifi cần nhanh và rộng hơn, phủ sóng toàn Học viện để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập, tránh tình trạng lúc có lúc không, rất chập chờn, giảng viên không thể thực hiện được tốt nhiệm vụ hoạt động dạy của mình.
- Tăng thêm các tính năng của thư viện số (đúng nghĩa) để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Cần có phòng tập đa năng để đáp ứng các yêu cầu trong giảng dạy các môn thể chất, sinh hoạt ngoại khóa của sinh viên.

GV Ngành CTH

Giảng viên chính cần có góc làm việc riêng. Cần có phòng thực hành với bàn ghế phù hợp, theo nhóm, với bảng kẹp, thiết bị phù hợp, phần mềm dạy học chuyên ngành cần mua bản quyền, tăng cường cho giáo viên có cơ hội tham gia các nghiên cứu lớn.

Ngành CTXH

Hệ thống wifi của trường không đáp ứng được cho việc áp dụng công nghệ Thông tin trong giảng dạy, đặc biệt toà B5, B6 không có wifi. Wifi B1 thì yếu.

Đảm bảo có wifi đầy đủ ở các tòa nhà để giáo viên tiện giảng dạy trên lớp học. wifi của trường chập chờn và giảng đường B5 B6 không bắt được wifi

Chế độ và việc thanh toán cho giảng viên cần hợp lý hơn, nhanh gọn kịp thời.

Trang thiết bị các phòng học cần được sửa chữa, bổ sung và thay thế thiết bị mới như (loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu).

GV ngành NNA

Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên. Phát triển mạnh thư viện điện tử. Bổ sung ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Mua phần mềm kiểm tra sao chép và đạo văn

GV ngành QHCC

Nhà trường nên chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất và cải thiện môi trường làm việc cho đội ngũ giảng viên. Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Đề nghị Nhà trường nâng cấp trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Học viên nên tăng cường đầu tư cho các hội trường giảng dạy, đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị phục vụ giảng dạy.

GV ngành QLNN

Tăng cường đầu tư cho Thư viện, cho công tác nghiên cứu khoa học; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào dạy, học và quản lý dạy - học; Xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao.

GV Triet hoc

Các phần mềm sử dụng nên có bản quyền, giảng viên không nên phải đảm nhiệm quá nhiều môn chuyên ngành mà nên chuyên môn hoá không quá 3 môn chuyên ngành. Giảng viên được cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học ở những đề tài nghiên cứu cấp trọng điểm, cấp bộ

Tăng chất lượng kết nối internet cho cả giảng viên và sinh viên. Mua bản quyền để giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận với các tài liệu trực tuyến chính thống của quốc tế, trong nước phục vụ cho việc dạy - học tích cực.

GV XHH

De nghi bo sung he thong co so vat chat ve phong hoc cho phong phu phu hop hon voi noi dung, chuong trinh, mo hinh dao tao

hệ thống máy chiếu cần được sửa chữa và thay thế kịp thời, có các rem che để đảm bảo cho máy chiếu phát huy tác dụng tốt nhất

GV ngành XDD

III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo cho thấy, mức hài lòng trung bình với chất lượng đào tạo là 4/5. Trong số các tiêu chí đánh giá, CĐR, nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, và môi trường làm việc có mức hài lòng trung bình cao hơn các tiêu chí về kiểm tra đánh giá, chế độ chính sách đối với giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

GV của 80% các ngành đào tạo thể hiện mức hài lòng cơ bản đối với CĐR, bản mô tả CTĐT, phương pháp và chiến lược dạy học.

- + Một số ngành đào tạo GV còn phân vân về việc CĐR phản ánh đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan và cung cấp thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về

năng lực của sinh viên tốt nghiệp, bao gồm CTĐT các ngành NNA, QHCC, QC, XHH, Triết.

- + Ở CTĐT các ngành Báo chí, Quảng Cáo, Xuất Bản, Triết, GV còn phân vân đối với tiêu chí “GV được tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT”.

Về tổng thể, trên 82% GV của các CTĐT cơ bản hài lòng với tiêu chí CĐR của ngành tham gia giảng dạy.; trên 76% GV của các CTĐT cơ bản hài lòng với tiêu chí về bản mô tả CTĐT của ngành tham gia giảng dạy; và trên 79% GV các CTĐT về cơ bản hài lòng với hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

- + GV của 67% các ngành đào tạo về cơ bản hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá. GV ở 33% ngành đào tạo, bao gồm CTH, CNXH, QHCC, QC, Triết và XB, về cơ bản còn phân vân với công tác kiểm tra đánh giá.
- + Về chế độ chính sách với giảng viên, GV từ trên 78% CTĐT các ngành về cơ bản hài lòng với công tác bồi dưỡng GV, chế độ chính sách và công tác quản trị GV. Tuy nhiên chỉ ở 56% các ngành đào tạo GV về cơ bản hài lòng với khối lượng công việc và quy trình, phương pháp, kết quả đánh giá GV.

Đối với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo, GV từ trên 83% CTĐT các ngành về cơ bản hài lòng với môi trường sư phạm và môi trường tự nhiên. Trong khi đó, GV ở dưới 50% CTĐT các ngành về cơ bản hài lòng với trang thiết bị dạy học, phòng học, phòng thực hành, thư viện. GV các ngành BC, CTH, CNXH, CTXH, NNA, QHCC, QC, XHH, XDD, XB về cơ bản còn phân vân. Về tổng thể, trên 55% GV của các CTĐT về cơ bản hài lòng với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo, trong đó mức độ hài lòng với tiêu chí về CNTT, phòng học, phòng thực hành và nguồn học liệu thấp hơn các tiêu chí khác.

Tỷ lệ GV hài lòng với các tiêu chí về chương trình đào tạo, chế độ chính sách, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và NCKH ở một số ngành đào tạo còn thấp, bao gồm ngành Ngôn ngữ Anh, Quan hệ công chúng và Quảng cáo.

3.2. Khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên, thực hiện đánh giá chính xác hơn dựa trên năng lực, trình độ của giảng viên.

Đặc biệt một số Khoa có tỷ lệ GV hài lòng thấp với CTĐT và các hoạt động hỗ trợ đào tạo như Ngôn ngữ Anh, Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần họp khoa và lấy ý kiến phản hồi của GV để đưa ra các đề xuất cải tiến chất lượng đào tạo.

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV và để nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT-KĐCLĐT



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Quan hệ công chúng

Số lượng gv phản hồi: 8

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	37	63	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	37.5	50.0	12.5	3.8
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	12.5	25.0	50.0	12.5	3.6
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	50.0	37.5	12.5	3.6
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	50.0	37.5	12.5	3.6
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	12.5	50.0	25.0	12.5	3.4
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	50.0	25.0	25.0	3.8
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	50.0	37.5	12.5	3.6
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	12.5	0.0	0.0	62.5	25.0	3.9
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	12.5	0.0	75.0	12.5	3.9
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	12.5	0.0	75.0	12.5	3.9
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	12.5	0.0	62.5	25.0	4.0

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	12.5	12.5	62.5	12.5	3.8
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	50.0	25.0	25.0	3.8
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	50.0	0.0	50.0	4.0
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	50.0	0.0	50.0	4.0
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	12.5	37.5	37.5	12.5	3.5
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	12.5	37.5	50.0	0.0	3.4
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	12.5	37.5	50.0	0.0	3.4
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	12.5	12.5	25.0	37.5	12.5	3.3
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	25.0	25.0	37.5	12.5	3.4
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	37.5	0.0	37.5	25.0	3.5
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	25.0	25.0	37.5	12.5	3.4
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	0.0	37.5	12.5	37.5	12.5	3.3
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	25.0	25.0	37.5	12.5	3.4
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	25.0	25.0	37.5	12.5	3.4
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	25.0	37.5	37.5	0.0	3.1
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	12.5	12.5	62.5	12.5	3.8
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	25.0	25.0	50.0	0.0	3.3
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	12.5	37.5	37.5	12.5	3.5
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	12.5	50.0	37.5	0.0	3.3
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	12.5	0.0	62.5	12.5	12.5	3.1
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	12.5	0.0	62.5	12.5	12.5	3.1
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	12.5	0.0	37.5	50.0	0.0	3.3
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	12.5	0.0	62.5	0.0	25.0	3.3
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	4.0
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	12.5	0.0	50.0	12.5	25.0	3.4
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	37.5	25.0	37.5	0.0	3.0
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	37.5	50.0	12.5	3.8

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Tăng cường các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho giảng viên, nhất là các khóa học tiếng Anh.

Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên. Phát triển mạnh thư viện điện tử. Bổ sung ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Mua phần mềm kiểm tra sao chép và đạo văn.

Nâng cao năng lực giảng viên và chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện


Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

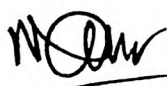
Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Quan hệ quốc tế

Số lượng gv phân hồi: 9

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	11	89
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	11	89	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	12.5	0.0	37.5	50.0	4.0
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.7
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.7

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	12.5	12.5	75.0	4.4
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	12.5	87.5	4.8
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	12.5	87.5	4.8
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.7
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.2
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.8
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.2
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.2
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.8
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.2
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.3
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.0
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.4
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	4.1
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	4.1
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.9
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	4.1
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quý, v.v.)	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	4.1
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.1
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.0
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	37.5	50.0	12.5	3.7
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Bổ sung và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sinh viên học cuán hệ quốc tế được tiếp xúc và hoạt động học tập, thực hành thực tế trong môi trường quốc tế.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CĐR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CĐR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đồng.
- Các giảng đường dành cho lớp đồng (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Triết học

Số lượng gv phản hồi: 6

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	67	33
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	83	17	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	16.7	83.3	0.0	3.8
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	4.0
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	4.0
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.0
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.0

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.0
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	16.7	50.0	4.2
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	16.7	33.3	50.0	0.0	3.3
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	16.7	66.7	0.0	3.5
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	16.7	0.0	83.3	0.0	3.7
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	16.7	66.7	0.0	3.5
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Tăng cường đầu tư cho Thư viện, cho công tác nghiên cứu khoa học; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào dạy, học và quản lý dạy - học; Xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD

PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Xã hội học

Số lượng gv phản hồi: 10

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	10	90
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	40	60	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.3
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	30.0	70.0	0.0	3.7
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	4.1
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.3
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	4.2
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	40.0	50.0	10.0	3.7
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	4.2
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	4.2
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	4.1
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.4
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	20.0	50.0	30.0	4.1
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	4.1
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	4.2
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	3.9
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	10.0	90.0	0.0	3.9
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	4.2
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.3
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	10.0	30.0	30.0	30.0	3.8
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	30.0	30.0	40.0	4.1
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	10.0	40.0	50.0	4.4
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	10.0	0.0	0.0	50.0	40.0	4.1
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	0.0	10.0	20.0	40.0	30.0	3.9
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	10.0	0.0	70.0	20.0	4
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	10.0	20.0	30.0	40.0	4
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	40.0	50.0	10.0	3.7
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	4
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	4.2
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.6
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	4
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	60.0	10.0	3.8
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	40.0	10.0	3.6
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	3.8
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.5
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	50.0	40.0	0.0	3.3
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	4.1

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Các phần mềm sử dụng nên có bản quyền, giảng viên không nên phải đảm nhiệm quá nhiều môn chuyên ngành mà nên chuyên môn hoá không quá 3 môn chuyên ngành. Giảng viên được cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học ở những đề tài nghiên cứu cấp trọng điểm, cấp bộ

Tăng chất lượng kết nối internet cho cả giảng viên và sinh viên. Mua bản quyền để giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận với các tài liệu trực tuyến chính thống của quốc tế, trong nước phục vụ cho việc dạy - học tích cực.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Công tác xã hội

Số lượng gv phản hồi: 7

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	29	71
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	57	43	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	4.0
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.8
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.8
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.0
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.2
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.1
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	14.3	42.9	42.9	0.0	3.5
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	4.0
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	3.9
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	14.3	0.0	28.6	57.1	4.2
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.2
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	14.3	0.0	28.6	57.1	4.4
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	14.3	14.3	28.6	42.9	4.1

IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	4.1
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	14.3	0.0	28.6	57.1	4.4
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.3
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.8
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.2
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	14.3	0.0	14.3	71.4	4.5
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.1
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	14.3	14.3	71.4	0.0	3.7
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	0.0	85.7	0.0	3.7
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.9
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.8
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.9
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	3.9
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.7
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	4.0

31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.2
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	14.3	0.0	28.6	57.1	4.4
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	14.3	0.0	85.7	0.0	3.8
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.9
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	3.4
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.8
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	42.9	0.0	3.2
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	42.9	42.9	0.0	3.3
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	0.0	85.7	0.0	3.6
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	14.3	71.4	0.0	3.4
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Giảng viên chính cần có góc làm việc riêng. Cần có phòng thực hành với bàn ghế phù hợp, theo nhóm, với bảng kẹp, thiết bị phù hợp, phần mềm dạy học chuyên ngành cần mua bản quyền, tăng cường cho giáo viên có cơ hội tham gia các nghiên cứu lớn.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

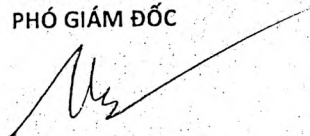
- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CĐR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CĐR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

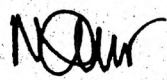
Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

Số lượng gv phản hồi: 11

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	18	82
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	55	45	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.2
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.1
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.4
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.3
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	10.0	30.0	60.0	4.2
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.4
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.3
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	3.9
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	4.0
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.0
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	10.0	30.0	60.0	4.2
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.0
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						

16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.1
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	3.9
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	4.0
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	4.0
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	3.9
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.1
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.2
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	70.0	30.0	4.1
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.1
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2

32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	4.3
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	4.2
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	3.8
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	30.0	30.0	3.7
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	4.0
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.1
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	10.0	50.0	40.0	4.1
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	10.0	60.0	30.0	4.0
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	40.0	30.0	3.9
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Đề nghị bổ sung hệ thống cơ sở vật chất về phòng học cho phòng phụ phù hợp hơn với nội dung, chương trình, mô hình đào tạo

hệ thống máy chiếu cần được sửa chữa và thay thế kịp thời, có các rèm che để đảm bảo cho máy chiếu phát huy tác dụng tốt nhất

Cần hướng dẫn cụ thể, chi tiết, chính xác khi xây dựng chương trình và hướng dẫn 1 lần, tránh làm đi làm lại mất nhiều thời gian, công sức

1. Cải thiện điều kiện học tập và sinh hoạt cho sinh viên ký túc xá
2. Nghiên cứu, bổ sung phương pháp đánh giá giảng viên có ý kiến tham gia của sinh viên, học viên

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thị Hương

PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lưu Văn An

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Kinh tế chính trị

Số lượng gv phản hồi: 12

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	42	58	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	4.5
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	4.1
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	4.5
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	8.3	8.3	25.0	58.3	4.3
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	4.4
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	4.4
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	8.3	25.0	66.7	4.6
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	4.4
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	8.3	0.0	50.0	41.7	4.3
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	4.2

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	4.1
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	4.6
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	4.2
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	8.3	66.7	25.0	4.2
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	4.0
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	4.1
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	25.0	41.7	33.3	4.1
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	50.0	25.0	25.0	3.8
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	4.3
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	4.5
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	8.3	8.3	50.0	33.3	4.1
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	8.3	0.0	58.3	33.3	4.2
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	16.7	58.3	25.0	4.1
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	91.7	8.3	4.1
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	8.3	0.0	41.7	50.0	4.3
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	4.3
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	8.3	0.0	8.3	83.3	4.7
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	8.3	0.0	75.0	16.7	4.0
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	0.0	83.3	8.3	3.9
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	8.3	83.3	8.3	4.0
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	58.3	16.7	3.9
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	25.0	58.3	16.7	3.9
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	8.3	66.7	16.7	3.9
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	8.3	75.0	16.7	4.1
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	8.3	25.0	66.7	4.6

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện


Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Ngành: Báo chí

Số lượng gv phản hồi: 32

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	12	88
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	31	66	3

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	3.1	3.1	3.1	53.1	37.5	4.2
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	6.3	3.1	68.8	21.9	4.1
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	6.3	15.6	46.9	31.3	4.0
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	3.1	3.1	3.1	56.3	34.4	4.2
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	6.3	9.4	62.5	21.9	4.0
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	6.3	9.4	65.6	18.8	4.0
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	9.4	9.4	50.0	31.3	4.0
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	6.3	18.8	53.1	21.9	3.9
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	9.4	9.4	59.4	21.9	3.9
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	6.3	15.6	59.4	18.8	3.9
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	3.1	15.6	53.1	28.1	4.1
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	3.1	12.5	59.4	25.0	4.1

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	6.3	25.0	59.4	9.4	3.7
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	3.1	3.1	3.1	43.8	46.9	4.3
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	6.3	9.4	46.9	37.5	4.2
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	6.3	15.6	50.0	28.1	4.0
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	6.3	21.9	56.3	15.6	3.8
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	6.3	3.1	68.8	21.9	4.1
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	6.3	3.1	65.6	25.0	4.1
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	6.3	6.3	59.4	28.1	4.1
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	15.6	34.4	40.6	9.4	3.4
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	6.3	15.6	62.5	15.6	3.9
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	6.3	12.5	59.4	21.9	4.0
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	6.3	15.6	50.0	28.1	4.0
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	12.5	28.1	53.1	6.3	3.5
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	6.3	28.1	50.0	15.6	3.8
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	9.4	21.9	46.9	21.9	3.8
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	6.3	31.3	59.4	3.1	3.6
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	9.4	9.4	68.8	12.5	3.8
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	6.3	9.4	59.4	25.0	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	6.3	0.0	50.0	43.8	4.3
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	9.4	25.0	34.4	31.3	3.9
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	31.3	40.6	15.6	3.6
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	21.9	46.9	18.8	3.7
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	3.1	6.3	18.8	50.0	21.9	3.8
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	21.9	46.9	18.8	3.7
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	12.5	28.1	43.8	15.6	3.6
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	18.8	21.9	43.8	15.6	3.6
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	18.8	34.4	34.4	12.5	3.4
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	6.3	6.3	50.0	37.5	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Nhà trường cần có chế độ đặc biệt cho các cán bộ GV phụ trách các phòng thực hành của ngành báo chí, để máy móc thiết bị được bảo quản và sử dụng tốt hơn.

Cần quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giảng viên, đặc biệt chế độ đãi ngộ; cố gắng giảm thiểu những công việc hành chính, giấy tờ để giảng viên có thời gian tập trung vào công việc giảng dạy; rất nhiều việc giảng viên phải làm nhưng không được tính vào đầu cả; nhà trường nên có một bộ phận riêng làm công tác truyền thông để giảm thiểu công việc cho giảng viên; nhà trường nên có bộ phận riêng làm công tác khảo thí, điều tra việc làm của sinh viên chứ không thể bắt giảng viên phải trực tiếp làm công việc này.

Nên có phòng học riêng cho chuyên ngành Truyền hình và Quay phim

Đề nghị Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên có thêm thời gian nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tránh hình thức trong thi đua khen thưởng mất nhiều thời gian và thủ tục giấy tờ lãng phí.

1. Giảm bớt những việc tốn nhiều thời gian, công sức để GV tập trung nâng cao chuyên môn: VD một số thủ tục hành chính còn rườm rà, họp hành báo cáo liên tục, quy trình /quy định/chương trình thay đổi nhiều...
2. Nghiên cứu tích hợp một số hoạt động, báo cáo, tính hiệu suất công việc... theo số hóa, tự động hóa cho nhanh gọn, không tốn kém thời gian và văn phòng phẩm của nhà trường
3. Nâng cao khả năng ngoại ngữ của GV: mở các lớp bồi dưỡng, tạo điều kiện cho GV học VB2 ngoại ngữ tại trường...
4. Tạo cơ chế để GV có nhiều hình thức thực hành, thực tế đa dạng, hiệu quả cho SV

Nâng cao chất lượng giảng dạy

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC

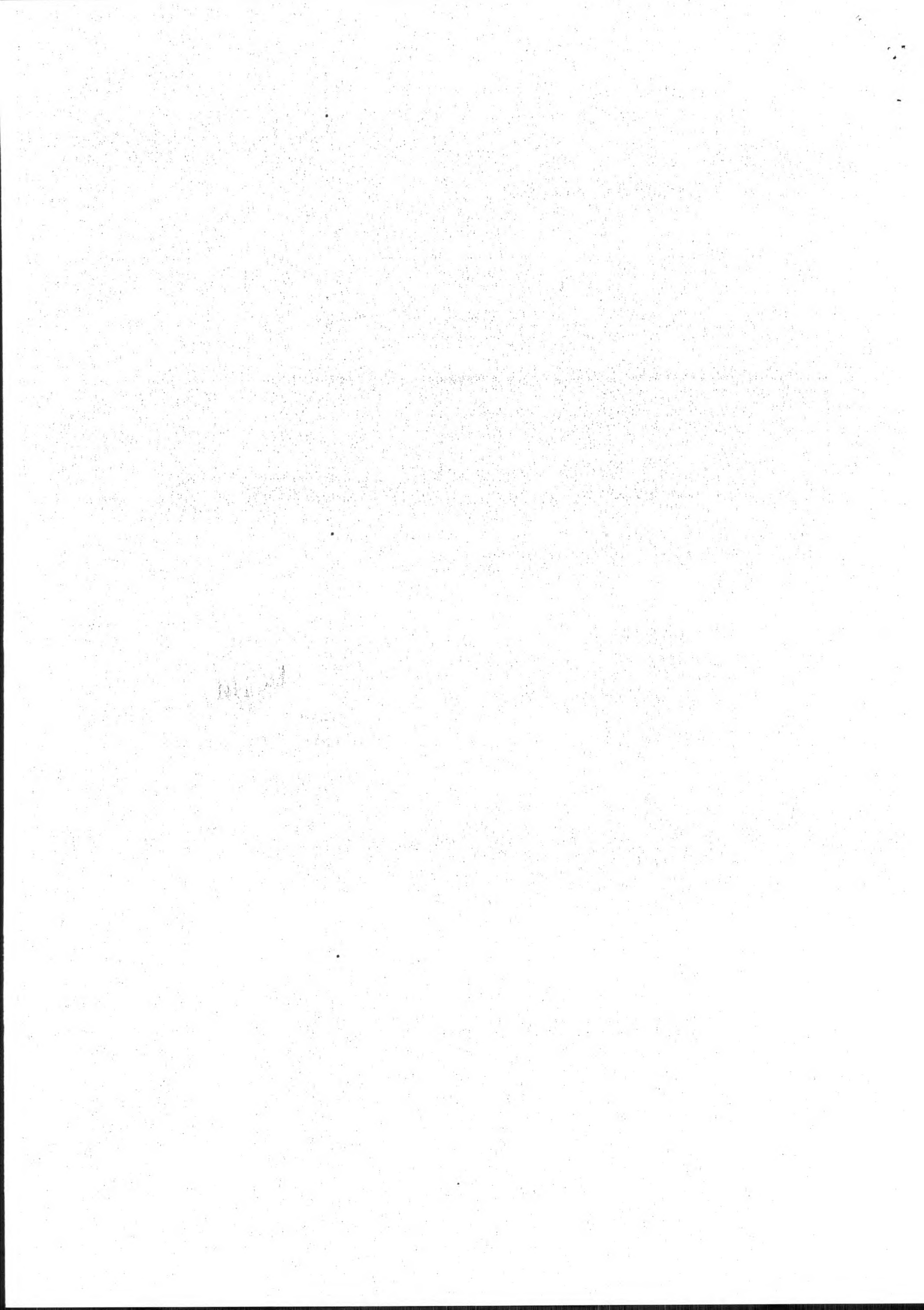


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Chính trị học

Số lượng gv phản hồi: 39

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	3	12	85
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	64	36	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	2.6	5.1	69.2	23.1	4.1
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.5	64.1	15.4	3.9
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	2.6	10.3	71.8	15.4	4.0
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	2.6	12.8	71.8	12.8	3.9
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	2.6	0.0	15.4	53.8	28.2	4.1
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	2.6	7.7	66.7	23.1	4.1
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	5.1	12.8	74.4	7.7	3.8
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	7.7	12.8	61.5	17.9	3.9
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	7.7	10.3	66.7	15.4	3.9
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	2.6	7.7	74.4	15.4	4.0
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	2.6	2.6	69.2	25.6	4.2
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	5.1	15.4	64.1	15.4	3.9
14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	5.1	15.4	61.5	17.9	3.9

IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	2.6	7.7	66.7	23.1	4.1
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	5.1	5.1	79.5	10.3	3.9
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	5.1	12.8	74.4	7.7	3.8
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	5.1	28.2	56.4	10.3	3.7
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	5.1	5.1	25.6	51.3	12.8	3.6
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	7.7	25.6	53.8	12.8	3.7
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	7.7	25.6	53.8	12.8	3.7
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	5.1	20.5	66.7	7.7	3.8
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	2.6	7.7	74.4	15.4	4.0
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	2.6	0.0	74.4	23.1	4.2
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	2.6	10.3	69.2	17.9	4.0
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	2.6	7.7	28.2	48.7	12.8	3.6
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	7.7	15.4	64.1	12.8	3.8
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	12.8	5.1	66.7	15.4	3.8
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						
30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	10.3	17.9	59.0	12.8	3.7

31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	7.7	7.7	66.7	17.9	3.9
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	7.7	23.1	59.0	10.3	3.7
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	2.6	10.3	48.7	38.5	4.2
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	7.7	30.8	43.6	17.9	3.7
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	2.6	10.3	28.2	46.2	12.8	3.6
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	5.1	33.3	51.3	10.3	3.7
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	2.6	20.5	59.0	17.9	3.9
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	2.6	10.3	33.3	48.7	5.1	3.4
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	2.6	7.7	35.9	48.7	5.1	3.5
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.8	28.2	53.8	5.1	3.5
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	5.1	12.8	23.1	53.8	5.1	3.4
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	2.6	10.3	51.3	35.9	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, loại trừ dần phương pháp kiểm tra, đánh giá buộc sinh viên phải học thuộc lòng

- Học viện nên nâng cao chất lượng phòng học, các thiết bị như máy chiếu, mic không dây. Hiện nay tình trạng mic dây và loa ở các phòng đã xuống cấp trầm trọng, mic thì rè, có lúc lại hú ầm,... điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới việc dạy. Nên bố trí hệ thống mic không dây tại các phòng (có hộp khóa), sinh viên hàng buổi chỉ việc đưa thẻ sinh viên để cầm chìa khóa về mở, như vậy tranh được quá trình vận chuyển có khi rơi móc, méo, hỏng.
- Các phòng sử dụng cho đào tạo lớp tín chỉ với số lượng đông từ 70-80 sinh viên cần đảm bảo về diện tích, công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường (sau cao hơn trước) có vậy giảng viên mới có thể quan sát được sv ở cuối lớp.
- Hệ thống Wifi cần nhanh và rộng hơn, phủ sóng toàn Học viện để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập, tránh tình trạng lúc có lúc không, rất chập chờn, giảng viên không thể thực hiện được tốt nhiệm vụ hoạt động dạy của mình.
- Cần tăng chế độ trả thù lao giờ giảng cho giảng viên để bù trượt giá so với thị trường, bởi theo mỗi năm và năm sau giá cả đã khác xa rất nhiều, trong khi đó thì chế độ chi trả hàng năm không điều chỉnh, thay đổi.
- Tăng thêm các tính năng của thư viện số (đúng nghĩa) để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Cần có phòng tập đa năng để đáp ứng các yêu cầu trong giảng dạy các môn thể chất, sinh hoạt ngoại khóa của sinh viên.

Nên thiết lập hệ thống đánh giá giảng viên từ phía sinh viên, học viên. Cần tăng cường kinh phí phục vụ công tác nghiên cứu khoa học (Nhất là biên tập giáo trình các môn học)

Cải thiện cơ sở vật chất

Thêm nhiều lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho giảng viên trẻ

Học viện cần nâng cấp, cải thiện điều kiện sinh hoạt và học tập tại ký túc xá sinh viên; nên nghiên cứu bổ sung phương thức Sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá kết quả đào tạo;

Là một hoạt động đòi hỏi đồng bộ. Nhưng đầu tiên cần hoàn thiện chương trình đào tạo và phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá sinh viên.

Tạo điều kiện cho giảng viên phát huy hiệu quả công tác: chế độ ưu đãi, thu nhập, khen thưởng, môi trường làm việc

Nghiêm khắc hơn trong sử dụng công chức, viên chức.

Cần nâng cấp hệ thống phần mềm đăng ký tín chỉ để tránh xảy ra các lỗi kỹ thuật

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

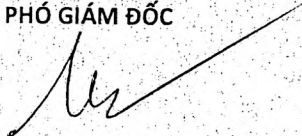
- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện


Đào tạo và NCKH

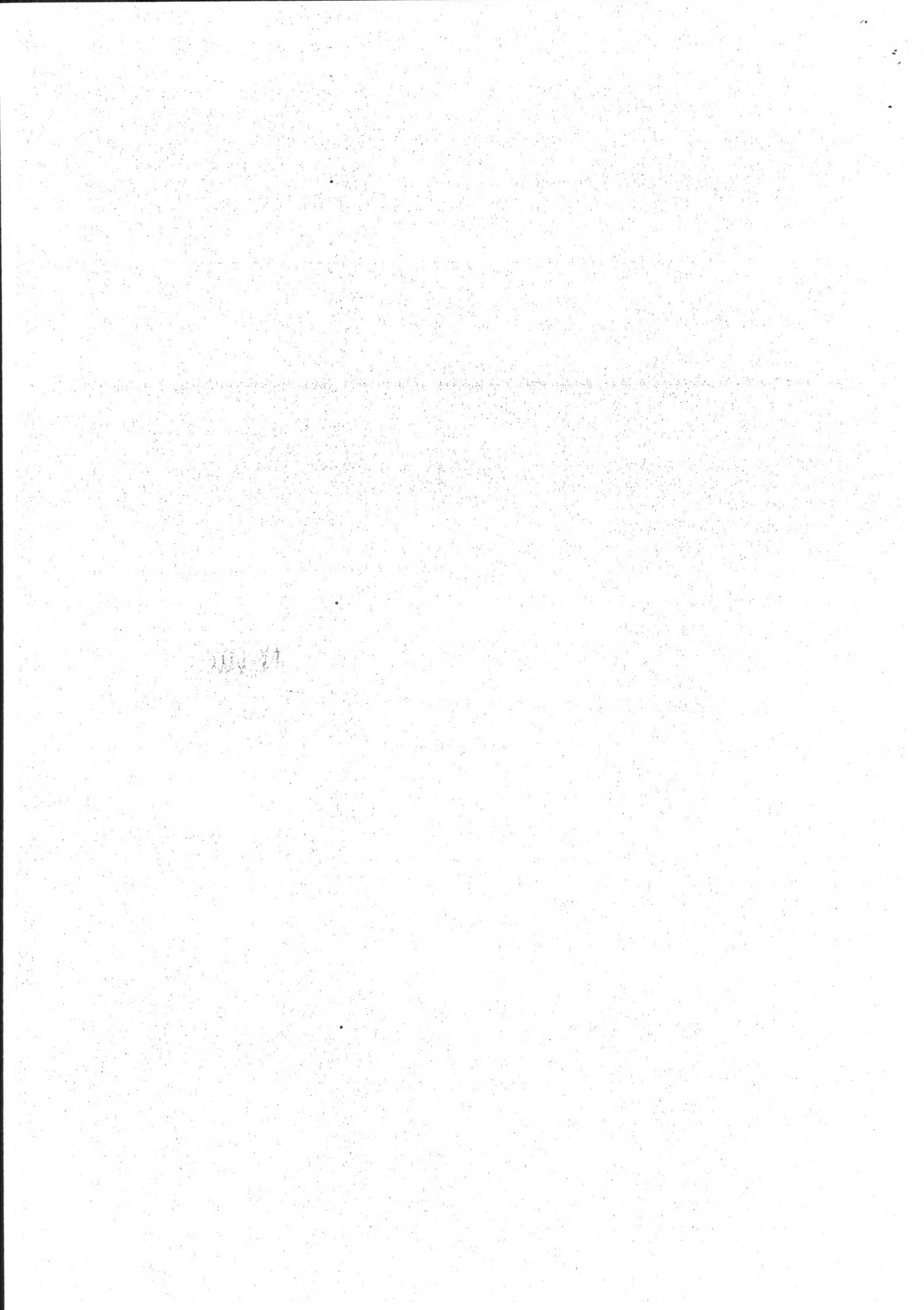
- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Trương Ngọc Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Kinh tế và quản lý

Số lượng gv phản hồi: 8

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	37	63	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.8
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	4.5
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.8
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	12.5	87.5	4.9
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	25.0	12.5	62.5	4.4
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	4.5
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	12.5	12.5	25.0	50.0	4.1

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	12.5	0.0	25.0	62.5	4.4
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	12.5	25.0	25.0	37.5	3.9
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.1
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.1
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	12.5	12.5	37.5	37.5	4.0
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.1
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.1
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	4.1
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	37.5	25.0	37.5	4.0
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	37.5	62.5	4.6

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Kinh tế

Số lượng gv phản hồi: 6

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	33	67	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	4.3
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	16.7	16.7	66.7	4.5
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	0.0	100.0	5.0
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	0.0	50.0	33.3	4.0
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	0.0	50.0	33.3	4.0
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện


Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Lịch sử

Số lượng gv phản hồi: 8

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	87	13	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.8
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.8
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	12.5	25.0	62.5	4.5
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	4.1
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	4.4
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	4.0
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.9
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	4.3
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	4.8
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	4.1
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	37.5	25.0	37.5	4.0
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	4.0
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	4.4
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	4.3
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.9
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	3.9
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	4.3

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tăng cường các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.
- Nhà trường cần trang bị tốt những thiết bị cho phòng học: micro, máy chiếu...
- Nâng cao thu nhập cho cán bộ, giảng viên.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:


- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số lượng gv phản hồi: 6

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	17	83
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	67	33	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	4.3
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	4.0
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	14.3	14.3	28.6	42.9	4.0
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	14.3	14.3	28.6	42.9	4.0
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	14.3	28.6	14.3	42.9	3.9
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	14.3	28.6	0.0	57.1	4.0
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	42.9	14.3	42.9	4.0
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.7
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	14.3	0.0	28.6	57.1	4.3
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	3.9
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	4.1
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	4.1

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	14.3	14.3	28.6	42.9	4.0
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.7
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	3.9
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	14.3	14.3	42.9	28.6	3.9
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.7
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	14.3	14.3	14.3	28.6	28.6	3.4
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	28.6	28.6	14.3	28.6	3.4
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.7
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	14.3	0.0	14.3	42.9	28.6	3.7
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	0.0	71.4	14.3	3.9
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	14.3	0.0	42.9	42.9	4.1
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	4.3
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	14.3	14.3	0.0	42.9	28.6	3.6
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	4.0
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	3.9
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	14.3	14.3	57.1	14.3	3.7
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	4.1
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.0
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	14.3	0.0	57.1	28.6	4.0
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	28.6	28.6	3.7
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	3.7
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	28.6	14.3	57.1	4.3
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	3.9
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	3.6
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	3.4
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	3.6
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	28.6	0.0	28.6	42.9	3.9

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

cần thay đổi ngay cách thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ và phát huy năng lực tự học của sinh viên.

Nâng cao chất lượng phòng học: Micro, máy chiếu

Đãi ngộ giảng viên tốt hơn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Đề xuất tăng cường kinh phí hỗ trợ cho giảng viên nghiên cứu khoa học

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

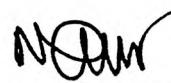
- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS:TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Ngôn ngữ Anh

Số lượng gv phản hồi: 11

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	18	73	9

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	4.1
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	3.9
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	11.1	11.1	66.7	11.1	3.8
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	4.2
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	3.9
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	11.1	0.0	77.8	11.1	3.9
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	33.3	55.6	11.1	3.8
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	11.1	11.1	55.6	22.2	3.9
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	4.0
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	11.1	0.0	88.9	0.0	3.8

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	22.2	0.0	66.7	11.1	3.7
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	11.1	0.0	77.8	11.1	3.9
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	11.1	22.2	66.7	0.0	3.6
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	11.1	11.1	55.6	22.2	3.9
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	11.1	11.1	77.8	0.0	3.7
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	11.1	0.0	88.9	0.0	3.8
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	3.9
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	11.1	22.2	22.2	44.4	0.0	3.0
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	11.1	0.0	33.3	55.6	0.0	3.3
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	11.1	0.0	44.4	33.3	11.1	3.3
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	22.2	22.2	44.4	11.1	3.4
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thỏa đáng	22.2	22.2	33.3	22.2	0.0	2.6
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	11.1	22.2	33.3	33.3	0.0	2.9
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	22.2	22.2	55.6	0.0	3.3
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	11.1	11.1	22.2	55.6	0.0	3.2
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	44.4	55.6	0.0	3.6
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	11.1	55.6	33.3	0.0	3.2
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	11.1	0.0	88.9	0.0	3.8
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	22.2	0.0	33.3	44.4	0.0	3.0
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	11.1	22.2	44.4	22.2	0.0	2.8
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	11.1	11.1	55.6	22.2	0.0	2.9
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	22.2	55.6	22.2	0.0	3.0
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	11.1	33.3	44.4	11.1	0.0	2.6
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	11.1	66.7	22.2	0.0	3.1
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	11.1	22.2	44.4	22.2	0.0	2.8
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	33.3	11.1	55.6	0.0	0.0	2.2
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	11.1	0.0	11.1	66.7	11.1	3.7

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Hệ thống wifi của trường không đáp ứng được cho việc áp dụng công nghệ Thông tin trong giảng dạy, đặc biệt toà B5,B6 không có wifi. Wifi B1 thì yếu.

Đảm bảo có wifi đầy đủ ở các tòa nhà để giáo viên tiện giảng dạy trên lớp học

1. Thời gian làm việc của giảng viên cũng cần được bố trí hợp lý. Sắp xếp lịch học các lớp ĐH chính quy vào các ngày trong tuần để giảm tải thời gian làm việc ngoài giờ (cuối tuần, buổi tối) cho giáo viên.
2. Chế độ và việc thanh toán cho giảng viên cần hợp lý hơn, nhanh gọn kịp thời.
3. Trang thiết bị các phòng học cần được sửa chữa, bổ sung và thay thế thiết bị mới như (loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu).

wifi của trường chậm chờn và giảng đường B5 B6 không bắt được wifi

Môn tiếng Anh cực kỳ nhiều đặc thù. Nhưng không hề có hỗ trợ đào tạo thường niên được thông báo rộng rãi tới anh em = Không tạo điều kiện, Không có tổ chức lớp cho anh em giảng viên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Mật độ giảng dạy quá dày. Làm cả tối và cuối tuần nhưng thanh toán chậm và không khác gì như ngày thường. Hầu như nhà trường không quan tâm đến cảm xúc, suy nghĩ của giảng viên mà chỉ ốp chương trình và giảng viên phải dạy như thợ dạy. Chúng tôi không có thứ Bảy Chủ Nhật, tối chúng tôi phải giảng buổi tối nhiều ngày trong tháng. Nhiều ngày phải giảng ba ca. Chúng tôi cũng phải đối mặt áp lực đến từ sinh viên khi họ phải học hai ca liền một lúc, trong đó có cả ca tối. Cực kỳ khó khăn để chúng tôi làm tốt công việc. Chúng tôi cũng không có thời gian làm nghiên cứu và tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề. Về lâu dài, nhà trường có ý thức được tầm quan trọng của những điều trên hay không đối với giảng viên nếu nhà trường thực sự quan tâm đến chất lượng giảng dạy?

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.


Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thù tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC


TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Trương Ngọc Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Quản lý công

Số lượng gv phản hồi: 6

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	17	83
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	33	67	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	0.0	83.3	16.7	4.2
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.3
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	4.5
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	33.3	33.3	16.7	3.5
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	3.7
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.8
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	4.2

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

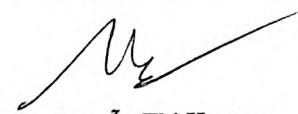
Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Quản lý nhà nước

Số lượng gv phản hồi: 9

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	11	89
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	33	56	11

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	11.1	88.9	4.9
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	0.0	0.0	100.0	5.0
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	11.1	22.2	66.7	4.6
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	4.7
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	22.2	77.8	4.8
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	4.3
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.1
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	22.2	33.3	44.4	4.3
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	22.2	33.3	44.4	4.3
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	33.3	44.4	22.2	4.0
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	4.0
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	4.4
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	4.0
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	11.1	33.3	55.6	4.5
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	22.2	22.2	55.6	4.4
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	4.2
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	11.1	33.3	55.6	4.5
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	4.5
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.1
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	33.3	44.4	22.2	4.0
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	44.4	33.3	22.2	3.8
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	11.1	22.2	33.3	33.3	3.9
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	44.4	55.6	4.6

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Nhà trường nên chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất và cải thiện môi trường làm việc cho đội ngũ giảng viên. Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Đề nghị Nhà trường nâng cấp trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Học viên nên tăng cường đầu tư cho các hội trường giảng dạy, đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị phục vụ giảng dạy.

Nhà trường nên chú trọng đầu tư cho các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho giảng viên.

Nhà trường nên nâng cao chất lượng đầu vào của sinh viên

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:


- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Quảng cáo

Số lượng gv phản hồi: 7

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	14	86	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.6
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	66.7	16.7	16.7	3.6
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	66.7	33.3	0.0	3.6
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	66.7	16.7	16.7	3.6
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	16.7	50.0	33.3	0.0	3.1
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	16.7	83.3	0.0	3.9
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	4.1
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.9
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	4.1
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	50.0	16.7	33.3	3.9

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	50.0	33.3	16.7	3.7
IV	Chiến lược, phương pháp dạy học						
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	66.7	33.3	0.0	3.4
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	4.0
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	3.9
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.4
V	Kiểm tra đánh giá						
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	3.7
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	3.7
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	33.3	66.7	0.0	3.7
VI	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	33.3	16.7	50.0	0.0	3.3
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	16.7	33.3	50.0	0.0	3.4
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	16.7	33.3	16.7	33.3	3.9
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	33.3	33.3	16.7	16.7	3.3
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	33.3	16.7	50.0	0.0	3.4
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	33.3	33.3	33.3	0.0	3.1
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	33.3	16.7	33.3	16.7	3.6
VII	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH						

30	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	66.7	16.7	16.7	3.6
31	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	16.7	33.3	16.7	33.3	3.9
32	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	16.7	66.7	16.7	0.0	3.1
33	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	16.7	16.7	50.0	16.7	3.9
34	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	16.7	66.7	16.7	0.0	3.0
35	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	66.7	16.7	0.0	3.1
36	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	50.0	33.3	16.7	0.0	2.7
37	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	33.3	33.3	33.3	0.0	3.0
38	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	33.3	66.7	0.0	0.0	2.9
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	33.3	50.0	16.7	0.0	3.1
40	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	33.3	33.3	33.3	0.0	3.3
41	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	33.3	50.0	16.7	0.0	2.9
42	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	16.7	33.3	0.0	50.0	3.7

VII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT .
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
- Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
- Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
- Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
- Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.

Cơ sở vật chất:

- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
- Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
- Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
- Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
- Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
Ngành: Xuất bản

Số lượng gv phản hồi: 5

Chức danh	GS (%)	PGS (%)	GV (%)
	0	0	100
Học vị	TS (%)	ThS (%)	CN (%)
	40	60	0

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Trung bình
I	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)						
1	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	3.4
2	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
3	Được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
II	Bản mô tả CTĐT						
5	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	20.0	20.0	40.0	20.0	3.6
6	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
7	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
8	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	3.4
III	Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo						
9	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	4
10	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	20.0	40.0	40.0	0.0	3.2
11	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	3.4
12	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
13	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	4.2

14	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	3.4
IV Chiến lược, phương pháp dạy học							
16	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
17	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
18	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
19	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	20.0	40.0	40.0	0.0	3.2
V Kiểm tra đánh giá							
20	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	3.4
21	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
22	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	20.0	0.0	60.0	20.0	3.8
VI Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên							
23	Khối lượng công việc của giảng viên hợp lý	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	3.4
24	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
25	Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	3.6
26	Giảng viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực giảng viên, nghiên cứu viên.	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	3.8
27	Các chính sách đối với giảng viên là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	3.4
28	Học viện thực hiện quản trị giảng viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	4
29	Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	3.6
VII Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH							

Về khung chương trình, học viện cần điều chỉnh thích hợp với mỗi ngành đào tạo.
Về phương thức đánh giá, cho phép giảng viên môn học đề xuất phương thức đánh giá phù hợp, nâng cao khả năng nghiên cứu, tác nghiệp của người học.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Về khung chương trình, học viện cần điều chỉnh thích hợp với mỗi ngành đào tạo.
Về phương thức đánh giá, cho phép giảng viên môn học đề xuất phương thức đánh giá phù hợp, nâng cao khả năng nghiên cứu, tác nghiệp của người học.

VIII. Kết luận và khuyến nghị

a). Đối với Khoa đào tạo

- Tạo điều kiện cho tất cả GV tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến CTĐT. Thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến đánh giá của GV đối với CTĐT và đối với quy trình rà soát, cải tiến CTĐT.
- Rà soát lại CDR sao cho phản ánh sứ mạng, mục tiêu của HV; nhu cầu của các bên liên quan (Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV); và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực của sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT.
- Rà soát, cải tiến phương pháp dạy-học đảm bảo sử dụng đa dạng các phương pháp dạy-học đảm bảo đạt CDR, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.
- Rà soát, cải tiến công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo việc sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đúng được năng lực của sinh viên.
- Rà soát, cải tiến công tác đánh giá giảng viên

b). Đối với Học viện

Đào tạo và NCKH

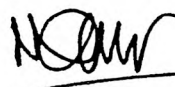
- Rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT.
 - Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ dành cho GV; nâng cao năng lực GV.
 - Rà soát, cải tiến quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của người học và tạo áp lực cần thiết thúc đẩy động lực học tập.
 - Bố trí, sắp xếp lịch học phù hợp, tránh vào buổi tối và cuối tuần. Nếu làm ngoài giờ hành chính cần có chế độ chính sách thỏa đáng.
 - Cần phân công rõ chức năng nhiệm vụ của GV và đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.
 - Tăng kinh phí dành cho NCKH, thù lao giờ giảng và các đãi ngộ khác.
- Cơ sở vật chất:
- Tăng cường sử dụng công nghệ số hóa trong thủ tục hành chính.
 - Nâng cấp trang thiết bị dạy học hiện nay đang xuống cấp như loa đài, máy chiếu, quạt, đèn, màn hình máy chiếu ở các phòng học, ảnh hưởng tới việc dạy nhất là đối với các lớp đông.
 - Các giảng đường dành cho lớp đông (80-90 sv) cần đảm bảo diện tích và công năng sử dụng theo kiểu phòng hội trường để GV có thể quan sát sv.
 - Hệ thống wifi tại các giảng đường rất kém không đáp ứng được yêu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.
 - Tăng cường thư viện số đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu thế chung của thời đại, của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
 - Nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên.
 - Tăng cường đầu tư mua phần mềm có bản quyền phục vụ dạy-học

TRUNG TÂM KT&KDCLGD
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hương

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Trương Ngọc Nam

